| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 09 /2026/LĐ-PT
Ngày: 10-8-2026
Về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại về trường hợp bị đơn phương chấm dứt HĐ"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thuý Lành

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Ông Nguyễn Quốc Tuấn

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Phan Ngọc Nhẫn *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.*

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Hồng Hạnh, *Kiểm sát viên.*

Ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 04/2026/TLPT-LĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026 về việc "*Tranh chấp bồi thường thiệt hại về trường hợp bị đơn phương chấm dứt HĐ*"

Do Bản án Lao động sơ thẩm số 03/2026/LĐ-ST ngày 09/6/2026 Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp E, xã T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Lộc T1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp E, xã T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần S

Địa chỉ: Ấp A, xã M, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ hiện nay: CCN T, Ấp D, xã M, tỉnh Tây Ninh

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phan Hoàng V, chức vụ: Tổng giám đốc

*Người đại diện theo ủy quyền:*

1.Bà Trần Ngọc Hoàng L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Phường Long An, tỉnh Tây Ninh

2. Bà Nguyễn Bảo N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp A, xã L, tỉnh Tây Ninh.

(Bà L vắng mặt, bà N có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T do ông Phạm Lộc Trung đại D trình bày:* Ngày 23 tháng 12 năm 2024 Công Ty CP S ra quyết định số: VTS- QĐTV/2412-003 tự ý đơn phương chấm dứt HĐLĐ số: VTS-HĐLĐ -L3/2405-001 mà không thông báo lý do theo quy định của pháp luật. Tóm tắt quá trình làm việc tại Công ty như sau: Từ ngày 20/03/2013 - 19/05/2013 thử việc tại Công ty CP S1. Từ ngày 20/05/2013 - 07/2013 Nhân viên bán hàng tại Công ty CP S1. Từ 08/2013 - 12/2016 Nhân viên bán hàng Công ty CP S2 (Công ty CP S1 đổi tên thành Công ty CP S2). Từ 01/2017 - 12/2017 Nhân viên mua hàng Công ty CP S2. Từ 01/2018 - 12/2019 Nhân viên ban trợ lý Công ty CP S2. Từ 01/2020 - 09/2022 Chuyên viên giám sát Công ty con tại Công ty CP S2. Từ 10/2022 - 28/05/2024 thuyên chuyển nội bộ từ Công ty CP S2 sang Công ty CP S3 với chức vụ Nhân viên tổng hợp công nợ. Từ 29/05/2024 - 01/2025 thuyên chuyển nội bộ từ Công ty CP S3 sang Công Ty CP S với chức vụ Nhân viên tổng hợp công nợ được ký ngày 03 & 04/06/2024 và giữ nguyên toàn bộ thâm niên tại thời điểm trên là: 135.7 tháng theo quyết định số: VTS-QĐ-PLHD/2407-001 có hiệu lực từ ngày 01/07/2024.

Quá trình làm việc bà T luôn hoàn thành nhiệm vụ, luôn lãnh 100% lương hàng tháng nếu đủ ngày công. Thâm niên được giữ lại theo quyết định sốVTS-QĐ-PLHD/2407-001. Việc Công ty cho rằng bà T không hoàn thành công việc và đơn phương chấm dứt hợp đồng vào ngày 23/12/2024 là không có cơ sở. Công việc được giao của bà T là kế toán công nợ đầu vào, còn công việc công ty cho rằng nhiệm vụ của bà T không hoàn thành là công nợ đầu ra. Khi các bên ký hợp đồng xác định bà T làm nhân viên công nợ. Ngoài lần lập biên bản, bà T không còn lần nào khác không thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của lãnh đạo công ty nên việc Công ty đơn phương chấm dứt HĐLĐ tại thời điểm 28/12 âm lịch và cắt toàn bộ tiền thưởng là không đúng quy định của pháp luật.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu:

- Bồi thường thiệt hại thu nhập từ ngày 28/01/2025 khi Công Ty CP S đơn phương chấm dứt HĐLĐ số: VTS-HĐLĐ-L3/2405-001 ký ngày 01/06/2024 đến ngày có quyết định của tòa án với số tiền thực lãnh theo HĐLĐ và quyết định chế độ người lao động số: VTS-QĐ-PLHĐ/2407-001 ký ngày 01 tháng 07 năm 2024, tạm tính đến ngày 27/10/2025 là: 13.000.000 đồng x 9 tháng = 117.000.000 đồng

(Một trăm mười bảy triệu đồng).

- Bồi thường 12 tháng lương thực lãnh của HĐLĐ không xác định thời hạn số: VTS-HĐLĐ-L3/2405-001 ký ngày 01/06/2024, tạm tính là: 13.000.000 đồng x 12 tháng = 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

- Bồi thường các khoản BHXH từ ngày Công Ty CP S đơn phương chấm dứt HĐLĐ số: VTS-HĐLĐ-L3/2405-001,

- Chi trả các khoản thưởng cuối năm, các khoản thâm niêm theo nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể mà Công ty CP S đã đăng ký với Phòng L1 vì: (tôi có thâm niên làm việc là 141,7 tháng, % tương ứng là 251% x 13.000.000 đồng = 32.630.000 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng)).

Bà T rút lại yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần.

*Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần S do bà Trần Ngọc Hoàng L trình bày:* Công ty Cổ phần S cho rằng Công ty chỉ ký Hợp đồng lao động với bà Phạm Thị Kim T từ ngày 01/6/2024. Ba công ty gồm Công ty Cổ phần S2, Công ty TNHH S3 và Công ty Cổ phần S là các pháp nhân độc lập, có mã số thuế riêng. Do đó, Công ty S không có quan hệ lao động với bà T trong giai đoạn từ ngày 20/3/2013 đến ngày 31/5/2024.

Về việc chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty cho rằng bà T nhiều lần không thực hiện và không phối hợp thực hiện công việc theo yêu cầu của cấp quản lý vào các ngày 25 và 26/11/2024. Sau khi lập biên bản vi phạm, Công ty tiến hành các buổi làm việc để trao đổi, thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đạt được thống nhất. Ngày 14/12/2024, Công ty B thông báo chấm dứt hợp đồng lao động và cam kết thanh toán đầy đủ các khoản liên quan với tổng số tiền 32.257.692 đồng. Bà T đã thực hiện bàn giao tài sản, ngừng làm việc từ ngày 21/12/2024 và không có phản đối đối với thông báo này. Ngày 04/01/2025, Công ty đã chuyển khoản thanh toán cho bà T số tiền 32.251.962 đồng (Bao gồm: 19.500.000 đồng lương tính đến hết ngày 27/01/2025; 816.492 đồng ngày nghỉ phép thường niên còn lại; 1.326.800 đồng trợ cấp thôi việc; 10.614.400 đồng bồi thường 02 tháng tiền lương). Theo Công ty, các hành vi trên thể hiện bà T đã đồng ý việc chấm dứt quan hệ lao động.

Đối với yêu cầu bồi thường của bà T, Công ty cho rằng mức lương theo hợp đồng lao động chỉ là 5.307.200 đồng/tháng; các khoản phụ cấp và bổ sung khác phụ thuộc vào quá trình làm việc, kết quả đánh giá và điều kiện thực tế nên không được xem là tiền lương cố định để làm căn cứ tính bồi thường. Vì vậy, yêu cầu tính bồi thường theo mức thu nhập thực lãnh 13.000.000 đồng/tháng là không có căn cứ. Công ty không đồng ý các yêu cầu về bồi thường thu nhập do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bồi thường 12 tháng tiền lương, truy đóng bảo hiểm xã hội và bồi thường tổn thất tinh thần.

Đối với yêu cầu thanh toán thưởng cuối năm và các khoản thâm niên, Công ty cho rằng theo Bộ luật Lao động và Thỏa ước lao động tập thể, việc thưởng phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh và mức độ hoàn thành công việc của người lao động, không phải nghĩa vụ bắt buộc. Công ty đồng ý hỗ trợ bà T khoản thưởng

Tết năm 2024 là 20.000.000 đồng nhưng bà T chưa đến nhận dù đã được nhiều lần thông báo.

Từ những căn cứ trên, Công ty đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4-Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Hợp đồng lao động giữa Công ty S và bà T là hợp pháp, là căn cứ để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên. Công ty cho rằng bà T thường xuyên không hoàn thành công việc, nhưng chỉ chứng minh được 01 lần vi phạm, không đủ căn cứ để đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định pháp luật. Do đó việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là trái pháp luật. Căn cứ điều 41 Bộ luật lao động, Công ty phải trả cho bà T tiền lương trong thời gian không được làm việc (sau khi trừ các khoản đã thanh toán, bồi thường thêm 02 tháng lương do không nhận bà T trở lại làm việc và bà T đồng ý, đóng bổ sung BHXH, BHYT, BHTN cho thời gian từ 21/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (09/6/2026). Đối với yêu cầu của bà T về việc tính bồi thường theo mức lương thực nhận 13 triệu đồng/tháng, tiền thưởng cuối năm và trợ cấp thôi việc là không có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 34, 36, 41 Bộ luật Lao động, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà T về việc bồi thường tổn thất tinh thần, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với các khoản yêu cầu bồi thường tiền lương theo mức lương thực lãnh, thưởng cuối năm.

Tại Bản án Lao động sơ thẩm số 119/2026/DS-ST ngày 29/4/2026 Tòa án nhân dân Khu vực11 - Tây Ninh quyết định:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T đối với bị đơn Công ty Cổ phần S về việc yêu cầu "bồi thường tổn thất tinh thần".

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T đối với bị đơn Công ty Cổ phần S về việc "Tranh chấp bồi thường về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Buộc Cổ phần sản xuất Thương mại và Dịch vụ thép S bồi thường cho bà Phạm Thị Kim T tổng số tiền là 82.377.828đ (tám mươi hai triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi tám đồng), trong đó: tiền bồi thường 02 tháng tiền lương do thỏa thuận không nhận lại lao động làm việc là 10.614.400đ, tiền lương trong những ngày bà T không được làm việc là 71.763.428đ (sau khi đã cấn trừ số tiền Công ty đã bồi thường trước đó).

Buộc Cổ phần sản xuất Thương mại và Dịch vụ thép S phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày bà Phạm Thị Kim T không được làm việc (từ ngày 21/12/2024 đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 09/6/2026).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với Công ty Cổ phần S đối với các khoản yêu cầu bồi thường tiền lương theo mức lương thực lãnh, thưởng cuối năm, thâm niên.

4. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kim T được miễn án phí lao động sơ thẩm. Công ty Cổ phần S phải chịu 2.471.335đ (hai triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Ngày 22/6/2026 bà Phạm Thị Kim T kháng cáo các nội dung:

- Yêu cầu chi trả số tiền 816.492 đồng số tiền lương của 4 ngày nghỉ phép được hưởng nguyên lương.
- Chi trả tiền lương 45 ngày 19.500.000 đồng là khoản tiền lương người lao động được hưởng khi công ty cho nghỉ trước thời hạn báo trước.
- Chi trả tiền lương cho những ngày không làm việc kể từ ngày 27/01/2025 đến khi có bản án , quyết định cuối cùng của Toà án.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T xác định yêu cầu kháng cáo: Không đồng ý với Bản án sơ thẩm đối với nội dung mà cấp sơ thẩm nhận định tại mục 2.4

"[2.4] Xét yêu cầu bồi thường của bà T thấy rằng, căn cứ Điều 41 Bộ luật lao động, người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật phải có nghĩa vụ như sau:

- Phải trả tiền lương trong những ngày bà T không được làm việc (từ ngày 21/12/2024 đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 09/6/2026), mức lương được tính theo Hợp đồng lao động ngày 01/6/2024 là 5.307.200đ, cụ thể: 5.307.200đ x 01 năm 05 tháng 18 ngày = 93.406.720đ. Công ty đã trả cho bà T tiền lương khi nghỉ việc là 19.500.000đ, 816.492đ nghỉ phép, 1.326.800đ tiền trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc nên cấn trừ số tiền đã trả, Công ty phải tiếp tục trả cho bà T số tiền là 71.763.428đ."

Cấp sơ thẩm khấu trừ số tiền lương 45 ngày báo trước 19.500.000 đồng, số tiền 816.492đ là tiền lương 4 ngày nghỉ phép của bà T là không phù hợp.

Yêu cầu cấp phúc thẩm tính tiền lương trong những ngày bà T không làm việc từ ngày 27/01/2025 đến ngày 09/6/2026, không khấu trừ các khoản trước đó công ty đã trả cho bà T.

Yêu cầu Công ty đóng Bảo hiểm xã hội cho bà T từ ngày 27/01/2025 đến ngày 09/6/2026.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

*Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến Trông luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Kim T nộp trong thời hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Cấp sơ thẩm xác định Công ty S đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Phạm Thị Kim T là trái pháp luật và phải bồi thường cho bà T theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Lao động là đúng quy định của pháp luật. Các bên không kháng cáo nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[2.1] Đối với kháng cáo yêu cầu chi trả số tiền 816.492 đồng số tiền lương của 4 ngày nghỉ phép được hưởng nguyên lương:

Căn cứ*"Điều 113. Nghỉ hằng năm*

*...*

*3. Trường hợp do thôi việc, bị mất việc làm mà chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm thì được người sử dụng lao động thanh toán tiền lương cho những ngày chưa nghỉ."*

Tại văn bản trình bày ý kiến và nội dung mail công ty gửi cho bà T ngày 07/01/2025 công ty xác định bà T còn 04 ngày phép chưa nghỉ. Như vậy, khi giải quyết chế độ thôi việc, Công ty có trách nhiệm thanh toán cho bà T tiền lương 04 ngày chưa nghỉ. Thực tế công ty đã trả cho bà T tiền lương của 4 ngày phép là 816.492 đồng. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm lại cấn trừ số tiền này vào tiền lương trong những ngày không làm việc là không phù hợp. Do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chi trả số tiền 816.492 đồng số tiền lương của 4 ngày nghỉ phép được hưởng nguyên lương. Không khấu trừ số tiền này vào khoản tiền lương trong những ngày không làm việc.

[2.2] Đối với yêu cầu chi trả tiền lương 45 ngày 19.500.000 đồng là khoản tiền lương người lao động được hưởng khi công ty cho nghỉ trước thời hạn báo trước (Thời gian từ ngày 24/12/2024 đến 27/01/2025). Số tiền này Công ty S đã trả cho bà T khi cho thôi việc là có căn cứ. Cấp sơ thẩm tính thời gian không làm việc của bà T từ ngày 24/12/2024, từ đó khấu trừ số tiền này vào tiền lương trong những ngày không làm việc là không phù hợp.

[3] Chi trả tiền lương cho những ngày không làm việc kể từ ngày 27/01/2025 đến khi có bản án , quyết định cuối cùng của Toà án. Tại phiên toà, bà T đề nghị tính tiền lương trong những ngày không làm việc từ 27/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (09/6/2026) là 16 tháng 12 ngày.

Như phân tích ở trên, cấp sơ thẩm tính thời gian những ngày không làm việc của bà T từ ngày 24/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là chưa phù hợp.

Theo Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động thì Công ty đã trả cho bà T số tiền lương từ ngày 24/12/2024 đến ngày 27/01/2025 số tiền 19.500.000 đồng là tiền trong thời gian nghỉ phép hưởng nguyên lương, không phải thời gian nghỉ không

được làm việc. Do đó cần tính thời gian không được làm việc của bà T là từ ngày 27/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (16 tháng 12 ngày). Các bên thống nhất mức lương theo hợp đồng là 5.307.200 đồng/tháng để tính bồi thường.

Do đó, số tiền lương trong thời gian không làm việc, Công ty phải trả cho bà T là (không khấu trừ số tiền Công ty đã bồi thường trước đó):

5.307.200 đồng x 16 tháng 12 ngày = 87.364.676 đồng.

Tổng số tiền Công ty phải trả cho bà Phạm Thị Kim T 97.979.076 đồng (Chín mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng) bao gồm:

-Tiền lương trong thời gian không làm việc: 5.307.200 đồng x 16 tháng 12 ngày = 87.364.676 đồng.

- Công ty không muốn nhận bà T trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết, bà T đồng ý, do đó, công ty phải bồi thường thêm cho bà T một khoản tiền bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động: 5.307.200đ x 2= 10.614.400đ.

[4] Về thời gian đóng bảo hiểm xã hội: Do xác định thời gian không làm việc của bà T được tính từ ngày 27/01/2025 đến ngày 09/6/2026 nên Công ty phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày bà T không được làm việc (từ ngày 27/01/2025 đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 09/6/2026).

[5] Như vậy, cấp sơ thẩm đã nhận định và đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ dẫn đến ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Cần sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí:

Bà Phạm Thị Kim T không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà T.

Phần không kháng cáo có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Kim T đối với Công ty Cổ phần S.

Sửa Bản án Lao động sơ thẩm số 03/2026/DS-ST ngày 09-6-2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh.

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T đối với bị đơn Công ty Cổ phần S về việc yêu cầu "bồi thường tổn thất tinh thần".

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T đối với bị đơn Công ty Cổ phần S về việc "Tranh chấp bồi thường về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Buộc Công ty Cổ phần S phải trả cho bà Phạm Thị Kim T 97.979.076 đồng (Chín mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng) bao gồm: Tiền lương trong thời gian không làm việc: 87.364.676 đồng; Công ty không muốn nhận bà T trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết, bà T đồng ý. Do đó, công ty phải bồi thường thêm cho bà T một khoản tiền bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động: 5.307.200đ x 2= 10.614.400 đồng (Mười triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, bốn trăm đồng).

3. Án phí Lao động sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kim T không phải chịu án phí Lao động sơ thẩm.

Công ty Cổ phần S phải chịu 4.898.954 đồng (bốn triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn, chín trăm năm mươi bốn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

4. Án phí Lao động phúc thẩm: Bà Phạm Thị Kim T không phải chịu án phí phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 4 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh TN;
- Phòng GĐ, TT, KT&THA.TANDTTN;
- Lưu. hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thuý Lành**